

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toàn, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|--------------|
| 1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị | 02 - 04 |
| 2. Báo cáo kiểm toán độc lập | 05 - 06 |
| 3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 07 - 08 |
| 4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 9 |
| 5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 10 |
| 6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 11 - 40 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lệ Ninh trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Lệ Ninh (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 3788/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lệ Ninh Quảng Bình. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 13/07/2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 27 tháng 04 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 418/QĐ-SGDHN ngày 27/06/2019. Mã chứng khoán của Công ty là LNC.

Vốn điều lệ: 82.300.670.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2023: 82.300.670.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
- Điện thoại : (+84) (0232) 3996215
- Fax : (+84) (0232) 3996211
- Email : leninhqb@vn.com
- Website : www.leninh.vn

Đơn vị trực thuộc: Công ty có 1 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc

| STT | Tên đơn vị | Địa chỉ |
|-----|---|--|
| 1. | Chi nhánh nhà máy sản xuất gỗ dăm- Công ty Cổ phần Lệ Ninh | Tổ dân phố 4, Thị trấn NT Lệ Ninh, Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình |

3. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây cao su, khai thác và chế biến sản phẩm mủ cao su;
- Trồng rừng, sản xuất dăm gỗ từ sản phẩm rừng trồng;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất và khai thác cây cao su, chế biến sản phẩm mủ cao su;
- Sản xuất và tiêu thụ nước lọc tinh khiết, nước đá sạch;
- Cho thuê văn phòng;
- Mua bán các mặt hàng nông sản, công nghệ phẩm.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.1 Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---------------------|------------|--------------------------------|-----------------|
| Ông Nguyễn Mậu Hào | Chủ tịch | 25/11/2022 | |
| Ông Lê Thanh Hùng | Thành viên | 25/11/2022 | |
| Ông Trần Công Văn | Thành viên | 25/11/2022 | |
| Ông Phạm Ngọc Thành | Thành viên | 25/11/2022 | |
| Ông Phan Thanh Tuấn | Thành viên | 27/04/2023 | |

4.2 Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|--------------------|------------|--------------------------------|-----------------|
| Ông Lê Hồng Sơn | Trưởng ban | 25/11/2022 | |
| Bà Nguyễn Thị Liên | Thành viên | 25/11/2022 | |
| Ông Lê Tùng Định | Thành viên | 25/11/2022 | |

4.3 Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-------------------|----------------|--------------------------------|-----------------|
| Ông Lê Thanh Hùng | Giám đốc | 25/11/2022 | |
| Ông Trần Công Văn | Phó Giám đốc | 25/11/2022 | |
| Ông Lê Doãn Hiếu | Kế toán trưởng | 25/11/2022 | |

5. Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Mậu Hào - Chủ tịch Hội đồng Quản trị bổ nhiệm lại ngày 25/11/2022.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lệ Ninh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 40.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN MẠU HÀO

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quảng Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2024



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lệ Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2024, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa ghi nhận lãi quá hạn phải trả nhà cung cấp phát sinh trong năm 2023 với số tiền 1.119.988.509 đồng, lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 2.329.987.976 đồng. Nếu việc ghi nhận này được thực hiện đầy đủ thì trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, chỉ tiêu “Phải trả khác ngắn hạn” sẽ tăng thêm 2.329.987.976 đồng, chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm đi số tiền tương ứng. Đồng thời trên báo cáo kết quả kinh doanh chỉ tiêu “Chi phí tài chính” sẽ tăng thêm và chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” của năm 2023 sẽ giảm đi số tiền tương ứng 1.119.988.509 đồng và năm 2022 sẽ là 1.209.999.467 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lê Ninh tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.11 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2023 một số vườn cây cao su được trồng từ năm 2015, 2016 đến nay đã quá thời gian kiến thiết cơ bản thông thường, nhưng do điều kiện thổ nhưỡng không phù hợp nên cây cao su chậm phát triển đến nay chưa đạt được tiêu chuẩn kỹ thuật để đưa vào khai thác, Công ty đang theo dõi chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang với số tiền 51.699.523.208 đồng.
2. Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh IV.1 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2023 các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 111.837.695.582 đồng. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ về lãi quá hạn chậm thanh toán là 1.200.000.000 đồng và vẫn còn ảnh hưởng đến năm nay, được thể hiện tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 032102/2023/BCKT-iCPA ngày 21/03/2023.

TP. Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2024

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- VIETVALUES



Huỳnh Minh Hưng – P. Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNDKHN số: 3402-2020-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Lê Thị Thanh Kim - Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN số: 2896-2024-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

DVT: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm (tại ngày 31/12/2023) | Số đầu năm (tại ngày 01/01/2023) |
|------------|--|-------------|-----------------------------------|----------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 14.411.084.546 | 15.618.216.144 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | | 237.300.791 | 1.469.475.209 |
| 111 | 1. Tiền | V.1 | 237.300.791 | 1.469.475.209 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | - | - |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | - | - |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 2.576.357.812 | 4.273.744.098 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | V.2 | 2.337.824.227 | 3.358.102.199 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | V.3 | 111.604.600 | 69.500.000 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | V.4 | 404.540.785 | 910.003.699 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | V.5 | (277.611.800) | (63.861.800) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | V.6 | 11.580.531.770 | 9.872.896.837 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 12.488.722.562 | 10.781.087.629 |
| 142 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | | (908.190.792) | (908.190.792) |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 16.894.173 | 2.100.000 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | V.7.1 | - | 2.100.000 |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | - | - |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | V.14 | 16.894.173 | - |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 243.075.289.499 | 242.753.919.362 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 390.910.900 | 452.406.500 |
| 215 | 1. Phải thu về cho vay dài hạn | V.8 | 390.910.900 | 452.406.500 |
| 219 | 2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | | - | - |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 155.070.837.786 | 159.921.926.066 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | V.9 | 154.659.137.943 | 159.489.641.231 |
| 222 | - Nguyên giá | | 249.547.993.839 | 245.137.439.681 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (94.888.855.896) | (85.647.798.450) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | V.10 | 411.699.843 | 432.284.835 |
| 228 | - Nguyên giá | | 983.481.771 | 983.481.771 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (571.781.928) | (551.196.936) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | | - | - |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 87.420.715.405 | 82.159.204.490 |
| 241 | 1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn | | - | - |
| 242 | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | V.11 | 87.420.715.405 | 82.159.204.490 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | | - | - |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 192.825.408 | 220.382.306 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | V.7.2 | 192.825.408 | 220.382.306 |
| 268 | 2. Tài sản dài hạn khác | | - | - |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 257.486.374.045 | 258.372.135.506 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LÊ NINH

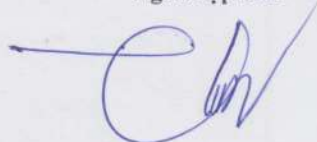
Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lê Ninh, huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm (tại ngày 31/12/2023) | Số đầu năm (tại ngày 01/01/2023) |
|------------|--|-------------|-----------------------------------|----------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 173.118.622.219 | 174.042.180.070 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 126.248.636.128 | 105.201.264.888 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | V.12 | 14.902.639.371 | 18.192.420.850 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | V.13 | 778.859.230 | 134.060.945 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | V.14 | 537.589.839 | 1.196.596.752 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | V.15 | 2.996.916.100 | 3.627.195.192 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | V.16 | 2.405.587.781 | 12.213.544.731 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | V.17.1 | 19.117.377.536 | 1.063.104.790 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | V.19.1 | 84.561.759.147 | 67.757.227.434 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | V.20 | 947.907.124 | 1.017.114.194 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 46.869.986.091 | 68.840.915.182 |
| 336 | 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | V.18 | 260.909.091 | 361.818.182 |
| 337 | 2. Phải trả dài hạn khác | V.17.2 | 88.100.000 | 28.100.000 |
| 338 | 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | V.19.2 | 46.520.977.000 | 68.450.997.000 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 84.367.751.827 | 84.329.955.436 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | V.21 | 83.767.005.008 | 83.606.668.289 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 82.300.670.000 | 82.300.670.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 82.300.670.000 | 82.300.670.000 |
| 411b | - Cổ phiếu ưu đãi | | - | - |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | - | - |
| 418 | 3. Quỹ đầu tư phát triển | | 607.592.929 | 407.030.624 |
| 421 | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 858.742.079 | 898.967.665 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | - | - |
| 421b | - LNST chưa phân phối kỳ này | | 858.742.079 | 898.967.665 |
| 422 | 5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | | - | - |
| 430 | II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | 600.746.819 | 723.287.147 |
| 431 | 1. Nguồn kinh phí | | - | - |
| 432 | 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | | 600.746.819 | 723.287.147 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 257.486.374.045 | 258.372.135.506 |

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ LIÊN

Kế toán trưởng



LÊ DOÃN HIẾU



Quảng Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2024

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN MẬU HÀO


KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

DVT: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|-----------------|-----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | VI.1 | 99.093.241.354 | 138.828.598.153 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 99.093.241.354 | 138.828.598.153 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | VI.2 | 86.295.941.627 | 117.314.487.372 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 12.797.299.727 | 21.514.110.781 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | VI.3 | 39.507.904 | 51.503.178 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | VI.4 | 8.375.748.263 | 6.354.488.637 |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | | 8.375.748.263 | 6.354.488.637 |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | VI.5 | 6.988.191.315 | 10.887.000.900 |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | VI.6 | 6.187.834.461 | 5.904.629.329 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | (8.714.966.408) | (1.580.504.907) |
| 31 | 11. Thu nhập khác | VI.7 | 12.963.621.582 | 3.446.100.563 |
| 32 | 12. Chi phí khác | VI.8 | 3.035.587.861 | 695.129.046 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | 9.928.033.721 | 2.750.971.517 |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 1.213.067.313 | 1.170.466.610 |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | V.17 | 354.325.234 | 271.498.945 |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 858.742.079 | 898.967.665 |
| 70 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | VI.10 | 57 | 64 |
| 71 | 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | VI.10 | 57 | 64 |

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ LIÊN

Kế toán trưởng



LÊ ĐOÀN HIẾU



CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | | 109.001.633.766 | 147.958.251.211 |
| 02 | 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ | | (67.283.021.286) | (102.887.768.802) |
| 03 | 3. Tiền chi trả cho người lao động | | (20.735.777.228) | (25.565.828.920) |
| 04 | 4. Tiền lãi vay đã trả | | (2.096.590.035) | (2.099.583.137) |
| 05 | 5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (262.210.165) | (364.570.155) |
| 06 | 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 10.300.688.453 | 15.317.588.860 |
| 07 | 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (20.989.954.865) | (32.272.866.869) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 7.934.768.640 | 85.222.188 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | (15.102.578.998) | (3.664.171.659) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | 11.458.143.510 | 3.130.189.000 |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | | - | (45.159.100) |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 98.700.000 | 294.600.000 |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | - |
| 26 | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | - |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 2.303.504 | 51.503.178 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (3.543.431.984) | (233.038.581) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 33 | 1. Tiền thu từ đi vay | | 33.650.000.000 | 37.268.526.286 |
| 34 | 2. Tiền trả nợ gốc vay | | (39.273.511.074) | (38.538.013.564) |
| 36 | 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | - | (296.282.412) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (5.623.511.074) | (1.565.769.690) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40) | | (1.232.174.418) | (1.713.586.083) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | | 1.469.475.209 | 3.183.061.292 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | - | - |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61) | | 237.300.791 | 1.469.475.209 |

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ LIÊN

Kế toán trưởng

LÊ DOÃN HIẾU



Quảng Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2024

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

NGUYỄN MẠU HÀO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lệ Ninh (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 3788/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lệ Ninh Quảng Bình.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 418/QĐ-SGDHN ngày 27/06/2019. Mã chứng khoán của Công ty là LNC.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực nông công lâm nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cao su, khai thác và chế biến sản phẩm mù cao su;
- Trồng rừng, sản xuất dăm gỗ từ sản phẩm rừng trồng;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất và khai thác cây cao su, chế biến sản phẩm mù cao su;
- Sản xuất và tiêu thụ nước lọc tinh khiết, nước đá sạch;
- Cho thuê văn phòng;
- Mua bán các mặt hàng nông sản, công nghệ phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng. Riêng đối với hoạt động trồng, chăm sóc và khai thác gỗ keo của Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2023, doanh thu giảm 30% so với doanh thu năm trước, chủ yếu do giảm doanh thu bán dăm gỗ keo, tuy nhiên chi phí mua vào nguyên vật liệu là cây keo giảm, mặt khác năm nay công ty có tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đường cao tốc nên Lợi nhuận trước thuế không giảm.

Ngoài ra, không có sự kiện nào khác về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có đơn vị hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh nhà máy sản xuất gỗ dăm. Địa chỉ tại Tổ dân phố 4, thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 357 nhân viên đang làm việc. (Tại ngày 31/12/2022 là 393 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu, chi phí, các giao dịch nội bộ và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính (tổng hợp) toàn Công ty.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2023 các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 111.837.695.582 đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc cơ cấu lại các khoản vay ngân hàng thương mại, gia hạn thanh toán các khoản phải trả nhà cung cấp.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã và đang làm việc với ngân hàng phát triển Việt Nam để gia hạn, cơ cấu lại lịch trả nợ các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ là các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản</u> | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|--------------------------|---------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 |
| Máy móc thiết bị | 05 – 10 |
| Phương tiện vận tải | 06 – 10 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 – 10 |
| Vườn cây lâu năm | 20 |

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng và đến thời điểm hiện nay đã hết khấu hao.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay) có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán/chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính/chi phí cho vay và đi vay vốn/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh/Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác/khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ/lỗ tỷ giá hối đoái...

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------|--------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 34.931.505 | 74.587.028 |
| Tiền gửi ngân hàng | 202.369.286 | 1.394.888.181 |
| Cộng | 237.300.791 | 1.469.475.209 |

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Phải thu khách hàng là các bên liên quan | - | - |
| Phải thu khách hàng là các đối tượng khác | 2.337.824.227 | 3.358.102.199 |
| - Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty CP | 1.526.230.315 | 2.651.093.729 |
| - Các đối tượng khác | 811.593.912 | 707.008.470 |
| Cộng | 2.337.824.227 | 3.358.102.199 |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------|-------------------|
| Trả trước cho người bán là các bên liên quan | - | - |
| Trả trước cho người bán là các đối tượng khác | 111.604.600 | 69.500.000 |
| Phan Đức Quý (*) | 97.104.600 | |
| Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường (**) | 14.500.000 | 14.500.000 |
| Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế | - | 55.000.000 |
| Cộng | 111.604.600 | 69.500.000 |

(*) Trả trước cho ông Phan Đức Quý theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 07/HDMB/2023 Về việc mua bán gỗ keo trăm rừng trồng ngày 23/11/2023.

(**) Trả trước cho Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường theo Hợp đồng tư vấn số 15/2022/HĐTV ngày 27/06/2022 Về việc tư vấn lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường của Nhà máy chế biến mù cưa cao su Lệ Ninh nhưng đến thời điểm 31/12/2023 chưa thực hiện xong.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

4. Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|------------------------------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | - | - | - | - |
| Phải thu các đối tượng khác | 404.540.785 | - | 910.003.699 | - |
| Tạm ứng | 133.809.600 | - | 357.291.778 | - |
| Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 6.060.010 | - | 6.060.010 | - |
| BHXX, BHYT, BHTN nộp dư | 1.440.987 | - | - | - |
| Phải thu khác | 263.230.188 | - | 546.651.911 | - |
| Cộng | 404.540.785 | - | 910.003.699 | - |

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------|--------------------|-------------------|
| DN Cao Su Thanh Long | 213.750.000 | - |
| Ông Trần Văn Quế | 63.861.800 | 63.861.800 |
| Cộng | 277.611.800 | 63.861.800 |

Tình hình trích dự phòng phải thu khó đòi trong năm:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|--------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm | 63.861.800 | - |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 213.750.000 | 63.861.800 |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số dư cuối năm | 277.611.800 | 63.861.800 |

Nợ xấu

| Số cuối năm | | | | Số đầu năm | | | |
|----------------------------|-------------------|--------------------|------------------------|------------------|-------------------|---------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Phải thu khách hàng | | | | | | | |
| Ông Trần Văn Quế | Từ 3 năm trở lên | 63.861.800 | - | Từ 3 năm trở lên | 63.861.800 | - | - |
| DN Cao Su Thanh Long | Từ 3 năm trở lên | 213.750.000 | - | | | | - |
| Cộng | | 277.611.800 | - | | 63.861.800 | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

6. Hàng tồn kho

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.900.964.595 | - | 3.490.681.279 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 380.402.543 | - | 311.888.077 | - |
| Chi phí SX, KD dở dang | 1.833.981.019 | - | 1.386.480.575 | - |
| Thành phẩm | 8.373.374.405 | 908.190.792 | 5.592.037.698 | 908.190.792 |
| Cộng | 12.488.722.562 | 908.190.792 | 10.781.087.629 | 908.190.792 |

- Nguyên liệu, vật liệu cuối kỳ chủ yếu là gỗ keo, dầu diesel, bao Pe, cùi, trấu, các chế phẩm, hóa chất dùng bồi kích thích cây cao su.
- Công cụ dụng cụ là bulon, dây curoa, đá mài, tấm đỡ dao, kiềng, chén hứng mù.
- Tại ngày 31/12/2023, công ty có thành phẩm tinh dầu sả tồn đọng, chậm luân chuyển, khó tiêu thụ, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 908.190.792 đồng.
- Công ty không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2023.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**7.1. Ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ | - | 2.100.000 |
| Cộng | - | 2.100.000 |

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước ngắn hạn:

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------|-------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 2.100.000 | - |
| Tăng trong năm | - | 20.450.000 |
| Phân bổ trong năm | (2.100.000) | (18.350.000) |
| Số dư cuối năm | - | 2.100.000 |

7.2. Dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|--------------------|
| Công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 106.748.562 | 135.154.880 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ | 86.076.846 | 85.227.426 |
| Cộng | 192.825.408 | 220.382.306 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn:

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------|--------------------|--------------------|
| Số dư đầu năm | 220.382.306 | 352.482.361 |
| Tăng trong năm | 165.086.530 | 109.564.707 |
| Phân bổ trong năm | (192.643.428) | (241.664.762) |
| Số dư cuối năm | 192.825.408 | 220.382.306 |

8. Phải thu về cho vay dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------|--------------------|
| Phải thu về cho vay dài hạn là các bên liên quan | - | - |
| Phải thu cho vay là các đối tượng khác | 390.910.900 | 452.406.500 |
| - Bà Hoàng Thị Liên | 120.956.700 | 124.584.500 |
| - Lê Văn Quang | 124.070.400 | 123.988.500 |
| - Ông Hoàng Minh Đức | 102.019.400 | 110.828.300 |
| - Các cá nhân khác | 43.864.400 | 93.005.200 |
| Cộng | 390.910.900 | 452.406.500 |

Các khoản cho vay cá nhân lãi suất cho vay từ 8,55% đến 9,5%/năm. Lãi suất sau đó sẽ được điều chỉnh theo lãi suất ngân hàng từng thời điểm. Mục đích cho vay để làm công trình nhà ở của cá nhân, tài sản thế chấp là công trình nhà ở sau khi hoàn thiện xong. Các cá nhân sẽ bàn giao toàn bộ bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với nhà ở cho công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | P.tiện vận tải truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Vườn cây lâu năm | Tài sản cố định khác | Cộng |
|------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | | |
| Số đầu năm | 50.419.770.387 | 16.783.762.754 | 4.812.332.689 | 867.154.545 | 172.118.468.506 | 135.950.800 | 245.137.439.681 |
| Tăng trong năm | 6.743.890.826 | 3.097.177.257 | - | - | - | - | 9.841.068.083 |
| - Đầu tư XD CB | 6.743.890.826 | 2.765.212.676 | - | - | - | - | 9.509.103.502 |
| - Mua sắm trong năm | - | 331.964.581 | - | - | - | - | 331.964.581 |
| Giảm trong năm | (1.747.540.841) | (332.764.318) | (94.718.434) | - | (3.255.490.332) | - | (5.430.513.925) |
| - T/lý, nhượng bán | - | (332.764.318) | - | - | (467.221.495) | - | (799.985.813) |
| - Giảm khác | (1.747.540.841) | - | (94.718.434) | - | (2.788.268.837) | - | (4.630.528.112) |
| Số cuối năm | 55.416.120.372 | 19.548.175.693 | 4.717.614.255 | 867.154.545 | 168.862.978.174 | 135.950.800 | 249.547.993.839 |
| Khấu hao | | | | | | | |
| Số đầu năm | 33.195.774.374 | 9.183.568.970 | 3.738.253.828 | 664.404.492 | 38.729.845.986 | 135.950.800 | 85.647.798.450 |
| Tăng trong năm | 3.165.403.852 | 1.143.375.084 | 301.681.870 | 44.663.645 | 8.386.173.452 | - | 13.041.297.903 |
| Giảm trong năm | (1.121.520.024) | (129.408.328) | (94.718.434) | - | (2.454.593.671) | - | (3.800.240.457) |
| - T/lý, nhượng bán | - | (129.408.328) | - | - | (111.654.564) | - | (241.062.892) |
| - Giảm khác | (1.121.520.024) | - | (94.718.434) | - | (2.342.939.107) | - | (3.559.177.565) |
| Số cuối năm | 35.239.658.202 | 10.197.535.726 | 3.945.217.264 | 709.068.137 | 44.661.425.767 | 135.950.800 | 94.888.855.896 |
| Giá trị còn lại | | | | | | | |
| Số đầu năm | 23.967.886.839 | 10.697.371.041 | 1.074.078.861 | 202.750.053 | 133.388.622.520 | - | 159.489.641.231 |
| Số cuối năm | 20.176.462.170 | 9.350.639.967 | 772.396.991 | 158.086.408 | 124.201.552.407 | - | 154.659.137.943 |

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 27.732.283.730 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết chờ thanh lý tại ngày 31/12/2023 là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2023 là 127.429.764.261 đồng. (Xem tại thuyết minh V.19)

10. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Khác | Cộng |
|------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 689.597.236 | 167.520.900 | 126.363.635 | 983.481.771 |
| Tăng trong năm | - | - | - | - |
| Giảm trong năm | - | - | - | - |
| Phân loại lại | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 689.597.236 | 167.520.900 | 126.363.635 | 983.481.771 |
| Khấu hao | | | | |
| Số đầu năm | 257.312.401 | 167.520.900 | 126.363.635 | 551.196.936 |
| Khấu hao trong năm | 20.584.992 | - | - | 20.584.992 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 277.897.393 | 167.520.900 | 126.363.635 | 571.781.928 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 432.284.835 | - | - | 432.284.835 |
| Số cuối năm | 411.699.843 | - | - | 411.699.843 |

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 293.884.535 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2023 là 0 đồng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Diện tích (ha) | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|----------------|-----------------------|-----------------------|
| Đầu tư trồng cao su | 420,47 | 87.420.715.404 | 78.623.421.866 |
| Vườn cây cao su trồng năm 2015 (*) | 99,70 | 28.547.274.507 | 24.297.499.911 |
| Vườn cây cao su trồng năm 2016 (*) | 100,64 | 23.152.248.701 | 20.518.288.134 |
| Vườn cây cao su trồng năm 2017 | 141,17 | 25.514.021.504 | 24.044.558.161 |
| Vườn cây cao su trồng năm 2018 | 30,83 | 4.635.060.675 | 4.639.283.967 |
| Vườn cây cao su trồng năm 2019 | 48,13 | 5.572.110.017 | 5.123.791.694 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản khác | | - | 3.535.782.624 |
| Đường vào dự án Trồng mới cao su | | - | 2.825.981.817 |
| Xây dựng lò hơi tại nhà máy chế biến cao su | | - | 709.800.807 |
| Cộng | | 87.420.715.405 | 82.159.204.490 |

(*) Vườn cây cao su được trồng từ năm 2015, 2016 đến nay đã quá thời gian kiến thiết cơ bản thông thường, nhưng do điều kiện thổ nhưỡng không phù hợp nên cây cao su chậm phát triển đến nay chưa đạt được tiêu chuẩn kỹ thuật để đưa vào khai thác, Công ty dự kiến đưa một số vườn cây trồng năm 2015 vào khai thác trong năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH*Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình***BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)*

- Giá trị chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2023 là 50.513.444.252 đồng. (Xem tại thuyết minh V.19)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán là các bên liên quan | - | - |
| Phải trả người bán là các đối tượng khác | 14.902.639.371 | 18.192.420.850 |
| Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Quảng Bình (*) | 5.522.219.260 | 6.722.219.260 |
| Chi nhánh Quảng Bình - Công ty cổ phần Tổng công ty Sông Gianh | 2.228.905.000 | 3.496.012.500 |
| Các đối tượng khác | 7.151.515.111 | 7.974.189.090 |
| Cộng | 14.902.639.371 | 18.192.420.850 |

(*) Tại ngày 31/12/2023 Công ty có khoản nợ phải trả người bán là Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Quảng Bình đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng. Theo điều khoản thanh toán quy định của hợp đồng, Công ty phải trả lãi chậm trả là 1,5%/tháng. Số lãi trả chậm phải thanh toán phát sinh năm 2023 là 1.119.988.509 đồng, lũy kế đến 31/12/2023 là 2.329.987.976 đồng chưa được Công ty ghi nhận vào Báo cáo tài chính.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------|--------------------|
| Người mua trả tiền trước là các bên liên quan <input type="checkbox"/> | - | - |
| Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác | 778.859.230 | 134.060.945 |
| Công ty TNHH SXTM Phú Thịnh Phát (*) | 693.472.500 | - |
| Các đối tượng khác | 85.386.730 | 134.060.945 |
| Cộng | 778.859.230 | 134.060.945 |

(*) Khách hàng ứng trước theo Hợp đồng kinh tế số 2712/2023/HĐKT ngày 27/12/2023 về việc mua bán mù Cao su.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

| | Số dư đầu năm | | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số dư cuối năm | |
|--------------------------------------|---------------|----------------------|--------------------------|------------------------|-------------------|--------------------|
| | Phải thu | Phải nộp | | | Phải thu | Phải nộp |
| Thuế GTGT | - | 1.013.019.519 | 5.912.324.136 | 6.659.986.857 | - | 265.356.798 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 135.837.661 | 354.325.234 | 262.210.165 | - | 227.952.730 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 46.649.572 | 80.852.600 | 84.311.861 | - | 43.190.311 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | - | 870.291.136 | 887.185.309 | 16.894.173 | - |
| Thuế tài nguyên | - | 1.090.000 | 105.597.390 | 105.597.390 | - | 1.090.000 |
| Thuế môn bài | - | - | 4.000.000 | 4.000.000 | - | - |
| Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác | - | - | 53.946.000 | 53.946.000 | - | - |
| Cộng | - | 1.196.596.752 | 7.381.336.496 | 8.057.237.582 | 16.894.173 | 537.589.839 |

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------|--------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 1.213.067.313 | 1.170.466.610 |
| Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế | 350.002.757 | 187.028.115 |
| Điều chỉnh tăng | 350.002.757 | 187.028.115 |
| - Phạt vi phạm hành chính, tiền chậm nộp thuế | 31.075.907 | 187.028.115 |
| - Chi phí không hợp lệ | 318.926.850 | - |
| Điều chỉnh giảm | - | - |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 1.563.070.070 | 1.357.494.725 |
| Thuế TNDN hiện hành | 354.325.234 | 271.498.945 |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này | 312.614.014 | 271.498.945 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này | 41.711.220 | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 354.325.234 | 271.498.945 |

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các diện tích đất đang sử dụng bao gồm đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp, đơn giá thuê đất ở mỗi địa bàn khác nhau có giá khác nhau.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương phải trả | 2.996.916.100 | 3.627.195.192 |
| Số dư cuối năm | 2.996.916.100 | 3.627.195.192 |

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|
| - Chi phí lãi vay phải trả | 316.585.408 | 10.075.831.394 |
| - Chi phí phải trả khác | 2.089.002.373 | 2.137.713.337 |
| Cộng | 2.405.587.781 | 12.213.544.731 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Phải trả khác ngắn hạn, dài hạn**17.1. Ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Phải trả khác các bên liên quan | - | - |
| Phải trả khác các đối tượng khác | 19.117.377.536 | 1.063.104.790 |
| - Chi phí lãi vay phải trả | 17.824.286.012 | - |
| - Kinh phí công đoàn | 592.631.291 | 612.198.886 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 60.000.000 | 60.000.000 |
| - Phải trả khác | 640.460.233 | 390.905.904 |
| Cộng | 19.117.377.536 | 1.063.104.790 |

17.2. Dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Phải trả khác các bên liên quan | - | - |
| Phải trả khác các đối tượng khác | 88.100.000 | 28.100.000 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 88.100.000 | 28.100.000 |
| Cộng | 88.100.000 | 28.100.000 |

18. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------|--------------------|
| Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê nhà xưởng | 90.909.091 | 181.818.182 |
| Doanh thu hoạt động giao nhận khoán | 170.000.000 | 180.000.000 |
| Cộng | 260.909.091 | 361.818.182 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**19.1. Ngắn hạn**

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ vay dài hạn | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|---|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn | 24.827.207.434 | 34.148.022.787 | - | (35.683.491.074) | 23.291.739.147 |
| Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam - CN Quảng Bình (i) | 19.060.225.087 | 30.190.000.000 | - | (31.557.856.943) | 17.692.368.144 |
| Vay cá nhân (ii) | 5.766.982.347 | 3.958.022.787 | - | (4.125.634.131) | 5.599.371.003 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 42.930.020.000 | - | 21.930.020.000 | (3.590.020.000) | 61.270.020.000 |
| Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam - CN Quảng Bình | 3.490.000.000 | - | 5.510.000.000 | (3.490.000.000) | 5.510.000.000 |
| Ngân hàng phát triển Việt Nam - CN Quảng Bình | 39.340.000.000 | - | 16.320.000.000 | - | 55.660.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố HCM - CN Quảng Bình | 100.020.000 | - | 100.020.000 | (100.020.000) | 100.020.000 |
| Cộng | 67.757.227.434 | 34.148.022.787 | 21.930.020.000 | (39.273.511.074) | 84.561.759.147 |

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Quảng Bình theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 3800-LAV-202300351 ngày 13/04/2023. Tổng hạn mức tín dụng được cấp là 22 tỷ đồng, thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 12/04/2024, thời hạn của mỗi khoản vay tối đa là 10 tháng. Tiền vay được sử dụng để thanh toán các chi phí phục vụ khai thác, chế biến mù cao su, trồng trọt chế biến nông sản các loại, dịch vụ cưa xẻ và chế biến gỗ các loại, sản xuất tinh dầu..., bù đắp tài chính đối với khoản vốn đã sử dụng không quá 6 tháng và các chi phí khác theo phương án sử dụng vốn của Công ty. Lãi suất vay theo Giấy nhận nợ từng thời điểm giải ngân tiền vay, điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 11%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo hợp đồng: Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất thuê số: 99A/2016/HĐTC ngày 29/08/2016, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 99C/2017/HĐSDBS ngày 23/10/2017 và hợp đồng sửa đổi bổ sung HĐTC số 222-2/201/HĐSDBS ngày 21/11/2018, hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất thuê số 222/2018/HĐTC ngày 24/10/2018, hợp đồng tài sản gắn liền với đất thuê số 159/2019/HĐTC ngày 25/06/2019, hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 254/2021/HĐTC ngày 18/11/2021, hợp đồng thế chấp tài sản số 255/2021/HĐTC ngày 18/11/2021, hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 256/2021/HĐTC ngày 18/11/2021 và hợp đồng thế chấp tài sản số 257/2021/HĐTC ngày 18/11/2021 (xem thuyết minh số V.9, V.11)

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Các khoản vay cá nhân với thời hạn dưới 1 năm, lãi suất theo thỏa thuận trên cơ sở lãi suất cho vay của ngân hàng tại thời điểm vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

19.2. Dài hạn

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển sang ngắn hạn | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|---|-----------------------|---------------------------------|--------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Vay dài hạn | 68.450.997.000 | - | 21.930.020.000 | - | 46.520.977.000 |
| Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam - CN Quảng Bình (i) | 31.089.805.000 | - | 5.510.000.000 | - | 25.579.805.000 |
| Ngân hàng phát triển Việt Nam - CN Quảng Bình (ii) | 36.710.000.000 | - | 16.320.000.000 | - | 20.390.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM - CN Quảng Bình (iii) | 191.605.000 | - | 100.020.000 | - | 91.585.000 |
| Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình (iv) | 459.587.000 | - | - | - | 459.587.000 |
| Cộng | 68.450.997.000 | - | 21.930.020.000 | - | 46.520.977.000 |

- (i) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 3800-LAV-202000958 ngày 16/11/2020 với tổng tiền vay là 15 tỷ đồng, thời hạn vay là 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Tiền vay được sử dụng để thanh toán các chi phí chăm sóc vườn cây cao su KTCB năm 2020-2021 và các khoản chi phí khác của Công ty. Lãi suất vay 9,5%/năm trong 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân vay, sau 12 tháng áp dụng theo quy định của ngân hàng. Nợ gốc trả theo kỳ hạn 6 tháng, bắt đầu từ ngày 16/11/2024 theo lịch trả nợ đính kèm hợp đồng. Tài sản đảm bảo là tài sản theo hợp đồng thế chấp số 99A/2016/HĐTC ngày 29/08/2016, hợp đồng sửa đổi số 99C/2017/HĐSDBS ngày 23/10/2017 và số 222-2/2018/HĐSDBS ngày 21/11/2018, hợp đồng thế chấp số 222/2018/HĐTC ngày 24/10/2018, hợp đồng thế chấp số 159/2019/HĐTC ngày 25/06/2019 (xem thuyết minh số V.9, V.11)
- Hợp đồng tín dụng số 99/2016/HĐTD ngày 01/09/2016 và các hợp đồng sửa đổi số 99A/2017/HĐSDBS ngày 23/10/2017, số 222-1/2018/HĐSDBS ngày 21/11/2018. Tổng tiền vay là 22 tỷ đồng, thời hạn vay là 10 năm kể từ ngày 01/09/2016. Tiền vay được sử dụng để thanh toán các chi phí chăm sóc vườn cây cao su KTCB năm 2016-2022 của Công ty. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/năm, điều chỉnh 03 tháng một lần theo quy định của ngân hàng. Nợ gốc trả 6 tháng một lần theo lịch trả nợ đính kèm hợp đồng. Tài sản đảm bảo là tài sản theo hợp đồng thế chấp số 99A/2016/HĐTC ngày 29/08/2016, hợp đồng sửa đổi số 99C/2017/HĐSDBS ngày 23/10/2017 và số 222-2/2018/HĐSDBS ngày 21/11/2018, hợp đồng thế chấp số 222/2018/HĐTC ngày 24/10/2018 (xem thuyết minh số V.9, V.11)

- (ii) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 05/2014/HĐTDDT-NHPT ngày 22/08/2014 và hợp đồng sửa đổi số 09/2016/HĐTDDT-NHPT ngày 21/09/2016. Tổng tiền vay là 81,6 tỷ đồng, thời hạn vay 12 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian ân

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

hạn là 7 năm kể từ thời điểm ký hợp đồng. Tiền vay được sử dụng để trồng mới và chăm sóc 450 ha cao su của Công ty. Lãi suất theo giấy nhận nợ từng thời điểm giải ngân tiền vay. Nợ gốc trả theo tháng, mỗi tháng 1,36 tỷ đồng. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành sau đầu tư quy định cụ thể theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01/2019/HĐTCTSGLVĐ-NHPT ngày 31/12/2019 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 02/2019/HĐTCTSGLVĐ-NHPT ngày 31/12/2019 (xem thuyết minh số V.9, V.11).

- (iii) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 37051/20MN/HĐTD ngày 05/11/2020. Tổng tiền vay là 500 triệu đồng, thời hạn vay là 60 tháng. Tiền vay được sử dụng để thanh toán tiền mua ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất 6 tháng đầu tiên là 9,9%/ năm, điều chỉnh 3 tháng một lần theo quy định của ngân hàng. Tài sản đảm bảo là xe ô tô biển kiểm soát 73B-01195 (xem thuyết minh số V.9).
- (iv) Khoản vay của Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình phát sinh từ năm 1993-1997 trước cổ phần hóa cho chương trình 327 "Phủ xanh đất trống, đồi núi trọc" của chính phủ.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|--------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 867.907.124 | 937.114.194 |
| Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành | 80.000.000 | 80.000.000 |
| Cộng | 947.907.124 | 1.017.114.194 |

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm |
|-----------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 937.114.194 | 329.202.680 | (398.409.750) | 867.907.124 |
| Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành | 80.000.000 | 40.000.000 | (40.000.000) | 80.000.000 |
| Cộng | 1.017.114.194 | 369.202.680 | (438.409.750) | 947.907.124 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu**21.1. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|----------------------|---------------------------|--------------------------|--------------------------------------|----------------|
| Số dư đầu năm trước | 82.300.670.000 | 238.881.739 | 840.744.423 | 83.380.296.162 |
| Tăng trong năm | - | 168.148.885 | 898.967.665 | 1.067.116.550 |
| Giảm trong năm | - | - | (840.744.423) | (840.744.423) |
| Số dư cuối năm trước | 82.300.670.000 | 407.030.624 | 898.967.665 | 83.606.668.289 |
| Số dư đầu năm nay | 82.300.670.000 | 407.030.624 | 898.967.665 | 83.606.668.289 |
| Tăng trong năm | - | 200.562.305 | 858.742.079 | 1.059.304.384 |
| Giảm trong năm | - | - | (898.967.665) | (898.967.665) |
| Số dư cuối năm nay | 82.300.670.000 | 607.592.929 | 858.742.079 | 83.767.005.008 |

Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 283/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2023. Cụ thể:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 200.562.305 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 329.202.680 đồng
- Trích quỹ thưởng cho người quản lý Công ty: 40.000.000 đồng

21.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------|-------------|----------------|------------|----------------|
| | Tỷ lệ (%) | Số tiền | Tỷ lệ (%) | Số tiền |
| Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Bình | 90,74% | 74.683.670.000 | 90,74% | 74.683.670.000 |
| Các cổ đông khác | 9,26% | 7.617.000.000 | 9,26% | 7.617.000.000 |
| Cộng | 100,00% | 82.300.670.000 | 100,00% | 82.300.670.000 |

21.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|----------------|----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| - Vốn góp đầu năm | 82.300.670.000 | 82.300.670.000 |
| - Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| - Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| - Vốn góp cuối năm | 82.300.670.000 | 82.300.670.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

21.4. Cổ phiếu

| | Số cuối năm Cổ phiếu | Số đầu năm Cổ phiếu |
|--|-------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 8.230.067 | 8.230.067 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 8.230.067 | 8.230.067 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 8.230.067 | 8.230.067 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 8.230.067 | 8.230.067 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 8.230.067 | 8.230.067 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành | 10.000 | 10.000 |

21.5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|--------------------|
| Lợi nhuận năm trước chuyển sang | 898.967.665 | 840.744.423 |
| Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm | 858.742.079 | 898.967.665 |
| Phân phối lợi nhuận | 898.967.665 | 840.744.423 |
| Phân phối lợi nhuận năm trước | 898.967.665 | 840.744.423 |
| - Trích quỹ đầu tư phát triển | 200.562.305 | 168.148.885 |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 329.202.680 | 336.313.126 |
| - Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty | 40.000.000 | 40.000.000 |
| - Chia cổ tức cho cổ đông | 329.202.680 | 296.282.412 |
| Phân phối lợi nhuận năm nay | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 858.742.079 | 898.967.665 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Doanh thu từ các bên liên quan | - | - |
| Doanh thu đối với các đối tượng khác | 99.093.241.354 | 138.828.598.153 |
| Doanh thu bán dăm gỗ keo | 63.797.008.959 | 100.973.243.846 |
| Doanh thu bán mù cạo su | 35.250.873.585 | 37.730.821.900 |
| Doanh thu bán tinh dầu sả chanh, java | 43.330.810 | 90.318.407 |
| Doanh thu bán hạt tiêu khô | 2.028.000 | - |
| Doanh thu hoạt động khác | - | 34.214.000 |
| Cộng | 99.093.241.354 | 138.828.598.153 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Giá vốn bán dăm gỗ keo | 51.865.207.416 | 78.529.948.727 |
| Giá vốn bán mù cao su | 34.381.450.315 | 38.714.994.047 |
| Giá vốn bán tinh dầu sả chanh, java | 44.589.535 | 69.544.598 |
| Giá vốn bán hạt tiêu khô | 4.694.361 | - |
| Cộng | 86.295.941.627 | 117.314.487.372 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 39.507.904 | 51.503.178 |
| Cộng | 39.507.904 | 51.503.178 |

4. Chi phí tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay | 8.375.748.263 | 6.354.488.637 |
| Cộng | 8.375.748.263 | 6.354.488.637 |

5. Chi phí bán hàng

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|----------------------|-----------------------|
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.980.453.150 | 10.887.000.900 |
| Chi phí khác bằng tiền | 7.738.165 | - |
| Cộng | 6.988.191.315 | 10.887.000.900 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 3.491.065.562 | 3.189.372.323 |
| Chi phí nhiên liệu, vật liệu | 42.846.057 | 105.698.085 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 639.655.735 | 654.654.255 |
| Thuế, phí và lệ phí | 29.204.875 | 45.230.332 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 104.908.388 | 100.174.594 |
| Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi | 213.750.000 | 63.861.800 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.666.403.844 | 1.745.637.940 |
| Cộng | 6.187.834.461 | 5.904.629.329 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|----------------------|
| Thu tiền bồi thường, đền bù tài sản | 11.230.112.750 | - |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | - | 1.706.862.688 |
| Thu nhập khác | 1.733.508.832 | 1.739.237.875 |
| Cộng | 12.963.621.582 | 3.446.100.563 |

8. Chi phí khác

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------------|--------------------|
| Giá trị TSCĐ, chi phí liên quan đến đền bù | 2.337.563.831 | - |
| Lỗ thanh lý TSCĐ | 307.407.152 | - |
| Khấu hao TSCĐ tạm dừng SXKD | 313.926.850 | - |
| Phạt vi phạm hành chính, án phí và tiền chậm nộp thuế | 31.075.907 | - |
| Các khoản khác | 45.614.121 | 695.129.046 |
| Cộng | 3.035.587.861 | 695.129.046 |

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|--|---------------|---------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 858.742.079 | 898.967.665 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau | (390.797.320) | (369.202.680) |
| - Điều chỉnh tăng | - | - |
| - Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi) (*) | (390.797.320) | (369.202.680) |
| LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu | 467.944.759 | 529.764.985 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân | 8.230.067 | 8.230.067 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 57 | 64 |

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm trích theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 283/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2023 và có thể thay đổi khi có quyết định chính thức tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------|-------------|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 467.944.759 | 529.764.985 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau | - | - |
| - Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển | - | - |
| - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi | - | - |
| Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu | 467.944.759 | 529.764.985 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân | 8.230.067 | 8.230.067 |
| | - | - |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 57 | 64 |

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 86.949.432.392 | 84.805.597.906 |
| Chi phí nhân công | 24.198.153.985 | 24.692.979.508 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 11.341.478.359 | 10.262.604.769 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.037.030.035 | 11.649.645.397 |
| Chi phí khác bằng tiền | 3.426.588.238 | 5.394.188.136 |
| Cộng | 133.952.683.009 | 136.805.015.716 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VND

1. Tiền thu từ đi vay

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường | 34.148.022.787 | 37.268.526.286 |
| Cộng | 34.148.022.787 | 37.268.526.286 |

2. Tiền trả nợ gốc vay

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường | (39.273.511.074) | (38.538.013.564) |
| Cộng | (39.273.511.074) | (38.538.013.564) |

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan****1.1. Các bên liên quan**

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---------------------------------|----------------------------|
| Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình | Cổ đông lớn |
| Ông Nguyễn Mậu Hào | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Ông Lê Thanh Hùng | Giám đốc |
| Ông Phạm Ngọc Thành | Thành viên HĐQT |
| Ông Trần Công Văn | Thành viên HĐQT |

1.2. Giao dịch với các bên liên quan

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|--------------------|----------------------|
| Vay vốn | 423.776.400 | 387.699.400 |
| Ông Nguyễn Mậu Hào | 147.289.300 | 159.637.500 |
| Ông Lê Thanh Hùng | 127.545.700 | 96.083.400 |
| Ông Trần Công Văn | 126.216.200 | 88.619.600 |
| Ông Phạm Ngọc Thành | 22.725.200 | 43.358.900 |
| Trả gốc vay | 941.510.750 | 1.000.000.000 |
| Ông Trần Công Văn | 85.292.805 | 1.000.000.000 |
| Ông Nguyễn Mậu Hào | 160.417.300 | - |
| Ông Lê Thanh Hùng | 95.839.745 | - |
| Ông Phạm Ngọc Thành | 599.960.900 | - |
| Chi phí lãi vay phát sinh | 72.872.378 | 88.411.729 |
| Ông Nguyễn Mậu Hào | 17.969.745 | 9.637.500 |
| Ông Lê Thanh Hùng | 12.951.748 | 6.083.400 |
| Ông Trần Công Văn | 16.576.485 | 29.331.929 |
| Ông Phạm Ngọc Thành | 25.374.400 | 43.358.900 |

1.3. Số dư với các bên liên quan

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|----------------------|
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 674.344.750 | 1.192.079.100 |
| Ông Nguyễn Mậu Hào | 223.271.400 | 236.399.400 |
| Ông Lê Thanh Hùng | 182.345.055 | 150.639.100 |
| Ông Trần Công Văn | 268.728.295 | 227.804.900 |
| Ông Phạm Ngọc Thành | - | 577.235.700 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

1.4. Thu nhập của Ban điều hành

| STT | Thành viên Ban QLDH | Chức danh | Năm 2023 | | | |
|------------------|---------------------|-----------------------------------|----------------------|-------------------|------------------|----------------------|
| | | | Tiền lương, thưởng | Thù lao | Cổ tức | Cộng |
| 1 | Nguyễn Mậu Hào | Chủ tịch HĐQT | 488.557.700 | - | 944.000 | 489.501.700 |
| 2 | Lê Thanh Hùng | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc | 321.922.100 | - | 316.000 | 322.238.100 |
| 3 | Trần Công Văn | Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc | 335.894.600 | - | 428.000 | 336.322.600 |
| 4 | Phan Thanh Tuấn | Thành viên HĐQT | 112.502.000 | - | 76.000 | 112.578.000 |
| 5 | Phạm Ngọc Thành | Thành viên HĐQT | 138.040.800 | - | 156.000 | 138.196.800 |
| 6 | Lê Hồng Sơn | Trưởng BKS | 244.551.200 | - | 480.000 | 245.031.200 |
| 7 | Lê Tùng Định | Thành viên BKS | 65.986.700 | 12.000.000 | 48.000 | 78.034.700 |
| 8 | Nguyễn Thị Liên | Thành viên BKS | 95.969.000 | 12.000.000 | 200.000 | 108.169.000 |
| 9 | Lê Doãn Hiếu | Kế toán trưởng | 173.636.500 | - | 180.000 | 173.816.500 |
| 10 | Hoàng Văn Khiêm | Thư ký HĐQT | 116.779.502 | 12.000.000 | 192.000 | 128.971.502 |
| Tổng cộng | | | 2.093.840.102 | 36.000.000 | 3.020.000 | 2.132.860.102 |

| STT | Thành viên Ban QLDH | Chức danh | Năm 2022 | | | |
|------------------|---------------------|-------------------------------------|----------------------|-------------------|------------------|----------------------|
| | | | Tiền lương, thưởng | Thù lao | Cổ tức | Cộng |
| 1 | Nguyễn Mậu Hào | Chủ tịch HĐQT | 476.872.100 | - | 705.600 | 477.577.700 |
| 2 | Lê Thanh Hùng | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc | 338.359.400 | - | 284.400 | 338.643.800 |
| 3 | Trần Công Văn | Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc | 332.994.300 | - | 385.200 | 333.379.500 |
| 4 | Hoàng Thị Phương | Thành viên HĐQT | 138.000.000 | - | 424.800 | 138.424.800 |
| 5 | Lê Doãn Hiếu | Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng | 110.048.200 | - | 162.000 | 110.210.200 |
| 6 | Phạm Ngọc Thành | Thành viên HĐQT | 129.312.200 | - | 140.400 | 129.452.600 |
| 7 | Lê Hồng Sơn | Trưởng BKS | 279.277.300 | - | 432.000 | 279.709.300 |
| 8 | Lê Tùng Định | Thành viên BKS | 64.960.900 | 12.000.000 | 43.200 | 77.004.100 |
| 9 | Nguyễn Thị Liên | Thành viên BKS | 96.041.525 | 12.000.000 | 180.000 | 108.221.525 |
| 10 | Hoàng Văn Khiêm | Thư ký HĐQT | 114.173.750 | 12.000.000 | 172.800 | 126.346.550 |
| Tổng cộng | | | 2.080.039.675 | 36.000.000 | 2.930.400 | 2.118.970.075 |

2. Số liệu so sánh

Là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Công ty đã trình bày lại chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu do có sự thay đổi về mức trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Cơ, Thị trấn NT Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

theo nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 so với số tạm tính nên chỉ tiêu này được trình bày lại như sau:

| Báo cáo KQHĐKD | Số liệu năm 2023 | | Số liệu trên Báo cáo | | |
|----------------------------|------------------|---------|----------------------|---------|------------|
| | trình bày lại | | KQKD năm 2022 | | |
| | Mã số | Số liệu | Mã số | Số liệu | Chênh lệch |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 64 | 51 | 60 | 4 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 64 | 60 | 60 | 4 |

3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại ngày 31/12/2023 các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 111.837.695.582 đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc cơ cấu lại các khoản vay ngân hàng thương mại, gia hạn thanh toán các khoản phải trả nhà cung cấp.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã và đang làm việc với ngân hàng phát triển Việt Nam để gia hạn, cơ cấu lại lịch trả nợ của các khoản vay.

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ LIÊN

Kế toán trưởng

LÊ DOÃN HIẾU

Quảng Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2024

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN MẠU HÀO

